

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN D
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2023
V/v: Ly hôn

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN D, TỈNH K**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân
Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Nguyễn Thành
2. Ông Phạm Văn Hóa

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án N dân huyện D, tỉnh K

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện D, tỉnh K tham gia phiên toà: Ông Bùi Nguyên Huy- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án N dân huyện D, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn N và gia đình thụ lý số: 250/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị Kim - sinh năm 1961. Có mặt.
Địa chỉ: Số nhà 142, tổ 2, thôn N 1, xã V, thành phố NT, tỉnh K.
- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn H - sinh năm 1965. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn PT, xã D, huyện D, K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày: Bà và ông Nguyễn H tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1995 tại Ủy ban N dân xã V, thành phố NT. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống N2ều lần dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2000 cho đến nay, vợ chồng bà không còn chung sống với nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm yêu thương với ông Hanh, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hanh. Về con chung: Vợ chồng bà có 2 con chung tên Nguyễn Chí N – sinh ngày 27/10/1996 và Nguyễn Thị Ái – sinh ngày 25/5/2000, các con đã thành niên và khỏe mạnh nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định bà và ông H không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hanh, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa để làm việc.

- Ý kiến của Viện kiểm sát N dân huyện D: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng, bị đơn không đến Tòa án làm việc. Về giải quyết nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L. Về án phí: nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn N gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn N: Bà Phạm Thị Kim L và ông Nguyễn H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/7/1995 và được Ủy ban N dân xã V, thành phố NT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38, đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn H. Ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà L. Xét vợ chồng bà L, ông H đã không còn tình cảm và sống riêng từ năm 2000 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn N giữa bà L và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Kim L đối với ông Nguyễn H là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà L, ông H có 02 con chung Nguyễn Chí N – sinh ngày 27/10/1996 và Nguyễn Thị Ái N2 – sinh ngày 25/5/2000, các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh. Bà L không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L và ông H không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà Phạm Thị Kim L phải chịu án phí hôn N và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim .

- Về quan hệ hôn N: Bà Phạm Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn H.

- Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Chí N – sinh ngày 27/10/1996 và Nguyễn Thị Ái N2 – sinh ngày 25/5/2000 đều trưởng thành, khỏe mạnh. Bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Kim L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2]. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn N và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008020 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã V
- (Giấy CNKH số 38 ngày 14/7/1995);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Bảo Ngân

